

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-PT

Ngày 12-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Lương Văn K do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2024/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng nghị: **Lương Văn K**, sinh năm 1967 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: lớp 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lương Văn K2 (chết) và bà Trần Thị C (chết); vợ: Nguyễn Thị L; con: có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lữ Văn T – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2022, cơ quan chức năng tiến hành cưỡng chế theo Quyết định cưỡng chế số: 19/QĐ-CCTHADS ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M về việc cưỡng chế giao quyền sử dụng đất theo Quyết định thi hành án số: 131/QĐ-

THADS ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M để thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2018/DS-ST ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Theo đó, buộc gia đình ông Lương Văn K (gồm: ông Lương Văn K, bà Nguyễn Thị L, Lương Thị Thảo L và Lương Vĩnh P) có nghĩa vụ tháo dỡ di dời các tài sản để giao phần đất có diện tích 7.162,2m² tại thửa số 45A, 45B tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M cho những người được thi hành án là ông Lương Văn K3, ông Lương Văn K4, bà Lương Thị P, bà Lương Thị P2 và bà Lương Thị P3. Sau khi đoàn cưỡng chế tiến hành giao đất trên thực địa, ông K3 đại diện cho những người được thi hành án mua vật tư đổ móng làm hàng rào kết cấu bằng trụ bê tông dài 02m chôn xuống đất, kéo lưới sắt (B40) mắc vào. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 27/5/2022, Lương Văn K đã tự ý đập phá hàng rào, nhổ trụ bê tông, tháo rời lưới B40. Thiệt hại gồm: 103m (một trăm lẻ ba mét) lưới B40 bị tháo rời khỏi hàng rào, 34 (ba mươi bốn) trụ bê tông bị gãy một phần, 03 (ba) trụ bị đổ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐG ngày 13/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: Trị giá 34 (ba mươi bốn) trụ bê tông đúc sẵn bị gãy đổ là: 120.000 đồng/cây, thành tiền là: 4.080.000 (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng; lưới B40 có chiều dài 103m (một trăm lẻ ba mét) bị tháo rời thiệt hại là: 462.000 (bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng; chi phí khắc phục lại hiện trạng ban đầu: 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng; vật tư làm bê tông đổ chân trụ: 1.580.000 (một triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng; tổng giá trị thiệt hại là: 9.622.000 (chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 48/KL-VPYTW ngày 17/01/2024 của Viện Pháp y Tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận đối với Lương Văn K như sau:

Về Y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh: Các rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn khác do bệnh não, tổn thương não hoặc rối loạn chức năng não (F07.8 - ICD.10).

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2024/HS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lương Văn K phạm tội “Cố ý làm như hỏng tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Buộc Lương Văn K bồi thường cho các bị hại 9.6220.000 đồng. Về án phí: buộc Lương Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và

481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện M kháng nghị phần án phí của Bản án sơ thẩm đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không thay đổi quyết định kháng nghị.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M ban hành trong hạn luật định, phù hợp quy định tại Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét bị cáo K là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Căn cứ Điều 2 và Điều 3 Luật người khuyết tật; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người thuộc diện được miễn án phí. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự không kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật, theo Điều 2 và Điều 3 Luật người khuyết tật; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc diện được miễn án phí. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M tuyên bị cáo K không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M ban hành trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên khi được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, bị cáo không đồng ý nhận giấy tờ và Tòa án đã thực hiện việc niêm yết. Kháng nghị theo hướng

có lợi cho bị cáo và việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào ngày 27/5/2022, bị cáo Lương Văn K đã có hành vi đập phá làm hư hỏng 34 (ba mươi bốn) trụ bê tông đúc sẵn; 103 (một trăm lẻ ba) mét lưới sắt B40, gây thiệt hại với tổng giá trị là 9.622.000 (chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn) đồng. Bị Tòa án nhân dân huyện M đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lương Văn K phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự và buộc bồi thường thiệt hại 9.622.000 đồng. Do không có kháng cáo, kháng nghị các phần này nên không xem xét.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thấy rằng:

Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, có nêu diện người được miễn nộp án phí là “người khuyết tật”;

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Người khuyết tật thì “Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn”. Tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Người khuyết tật thì các dạng tật có “Khuyết tật thần kinh, tâm thần”. Bị cáo K bị bệnh: Các rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn khác do bệnh não, tổn thương não hoặc rối loạn chức năng não; thể hiện bị cáo K là người khuyết tật về tâm thần.

Viện kiểm sát huyện M khi kháng nghị vì cho rằng Lương Văn K là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi theo Điều 2 và Điều 3 Luật người khuyết tật là có cơ sở nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, sửa một phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần án phí.

Quan điểm của Kiểm sát viên, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng nghị và bị cáo là người khuyết tật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện M; sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 11, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 2, Điều 3 Luật Người khuyết tật.

Bị cáo Lương Văn K không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 11, Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lương Văn K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lương Văn K, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- VKSND huyện M (1b);
- Công an huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M (1b);
- Bị cáo + người bào chữa (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh